

Bản án số: 119/2024/DS-ST

Ngày 25 - 9 - 2024

V/v "*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Điện**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà** và ông **Nguyễn Xuân Tùng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kiều Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ly Na** - Kiểm sát viên.

Ngày 25.9.2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2024/TLST-DS ngày 21.6.2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST-DS ngày 20.8.2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2024/QĐST-DS ngày 05.9.2024, giữa:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**. Trụ sở: 266 - B N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Đình V - Sinh năm 1975. Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh S1. Địa chỉ: B N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Quyết định ủy quyền số: 3524/2023/QĐ-PC ngày 25.12.2023; Giấy ủy quyền số: 144/2024/GUQ-CNSH ngày 15.4.2024; Giấy ủy quyền số: 165/2024/GUQ-CNSH ngày 15.4.2024 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Đặng Thị T** - Sinh năm 1982. Địa chỉ: K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29.5.2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 05.9.2022, bà Đặng Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập

của bà Đặng Thị T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng có hạn mức là 100.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất tại thời điểm phát hành thẻ là 2,4%/tháng; kể từ ngày 01.11.2022 là 2,48%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Đặng Thị T đã thực hiện 12 giao dịch với tổng số tiền 875.556.681 đồng ; đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 775.311.571 đồng (bao gồm phí và dư nợ gốc) sau đó không trả nữa. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Đặng Thị T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Đặng Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 06.4.2024, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 25.9.2024, bà Đặng Thị T còn nợ Ngân hàng số tiền tổng cộng là 137.172.549 đồng (trong đó dư nợ gốc 112.927.810 đồng; lãi quá hạn 24.244.739 đồng). Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ như đã nêu trên và phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26.9.2024 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng.

Bà Đặng Thị T đã được Tòa án thực hiện thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định nhưng bà Đặng Thị T không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Đặng Thị T đã được triệu tập để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Các đương sự đã được đảm bảo các quyền và thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc bà Đặng Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là 137.172.549 đồng, trong đó dư nợ gốc 112.927.810 đồng và tiền lãi quá hạn là 24.244.739 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị T thanh toán nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bà Đặng Thị T có nơi cư trú tại quận H, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Đặng Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ các Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về việc xác lập hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) mà bà Đặng Thị T ký với Ngân hàng TMCP S ngày 05.9.2022 thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự theo quy định tại các Điều 117, 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với quy định của Luật các Tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết nên có hiệu lực pháp luật đối với các bên tham gia quan hệ hợp đồng.

[2.2] Về yêu cầu thanh toán: Mặc dù bà Đặng Thị T vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP S cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng mà bà Đặng Thị T ký với Ngân hàng có mục đích tiêu dùng với hạn mức 100.000.000 đồng; lãi suất 2,4%/tháng; kể từ ngày 01.11.2022 là 2,48%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; thời hạn thanh toán, số tiền thanh toán được thực hiện theo Thông báo của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Đặng Thị T đã thực hiện 12 giao dịch với tổng số tiền là 875.556.681 đồng; đã thanh toán số tiền 775.311.517 đồng (tiền phí là 999.000 đồng và nợ gốc 774.312.517 đồng). Do bà Đặng Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn kể từ ngày 06.4.2024 là đúng với quy định tại Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng. Tính đến ngày 25.9.2025, bà Đặng Thị T còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền là 137.172.549 đồng, trong đó dư nợ gốc 112.927.810 đồng và tiền lãi quá hạn là 24.244.739 đồng.

Căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại Điều 18 và 19 của Điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng thì bà Đặng Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Đặng Thị T phải thanh toán nợ là phù hợp với quy định tại Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 và Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015 cần được chấp nhận. Do đó, buộc bà Đặng Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 25.9.2024 là 137.172.549 đồng và phải tiếp tục trả tiền lãi, kể từ ngày 26.9.2024 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 05.9.2022.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được chấp nhận nên bà Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu về việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 266, 269 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 100, 103 và 209 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” của Ngân hàng TMCP S đối với bà Đặng Thị T.

Xử:

1. Buộc bà Đặng Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 25.9.2024 là 137.172.549 đồng (dư nợ gốc 112.927.810 đồng; lãi quá hạn 24.244.739 đồng).

Kể từ ngày 26.9.2024, bà Đặng Thị T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ký kết ngày 05.9.2022 cho đến khi trả xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng

thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm bà Đặng Thị T phải chịu là 6.858.627 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S 1.956.925 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0000417 ngày 18.6.2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Điện